

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **41/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: **08/5/2024**

V/v tranh chấp : *Xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Lê Thị Tuyết Mai**.

2/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nhâm Thị Thanh Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Quốc** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024. Về tranh chấp "*Xin ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐST - HN ngày 11 tháng 4 năm 2024. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đào Thị Như T**, sinh năm 1975. Địa chỉ: 7/5, khu vực Y T, phường L B, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Tạm trú: 12/6, Khu vực 3, C K, phường C K, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Trần Chân Hoàng** - Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Tăng T1**, sinh năm 1960. Địa chỉ: 7/5, khu vực Y T, phường L B, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Có đơn đề ngày 11/4/2024 xin giải quyết vắng mặt. (BL 53)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 1981. Địa chỉ: 1/27K, M T, phường A H, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Có đơn đề ngày 13/3/2024 xin giải quyết vắng mặt. (BL 27)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 14/11/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Đào Thị Như T trình bày:

1/ Về hôn nhân: bà và ông Tăng T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND P. L B, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ vào ngày 05/9/2019. Chung sống hạnh phúc được vài năm, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, chung sống không hạnh phúc. Bà đã cố hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ nhưng mâu thuẫn ngày càng lớn, không hàn gắn được nên ly thân từ nhiều tháng nay. Nhận thấy không còn tình cảm với ông T1, không thể hàn gắn được nên bà Đào Thị Như T xin ly hôn để không còn ràng buộc với nhau.

Ông T1 thừa nhận vợ chồng có những bất đồng như nguyên đơn nêu, thường xuyên cự cãi nhưng mâu thuẫn là do làm ăn thua lỗ, nợ nần trong việc làm ăn. Nhận thấy không thể hàn gắn, ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Như T.

2/ Về con chung: bà Đào Thị Như T khai vợ chồng có 01 con chung tên Tăng Thủy Tiên (nữ) sinh ngày 24/02/2020. Bà có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng để nuôi con.

Ông T1 công nhận vợ chồng có 01 con chung như bà khai nhưng cũng yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà phải cấp dưỡng.

3/ Về tài sản và nợ chung: nguyên đơn xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn xác định có 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 48m² tọa lạc tại Khu vực 3, Cồn Khương, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (không có giấy tờ công nhận sở hữu) nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, ông T1 xác định vợ chồng có nợ Nguyễn Hoàng L 300.000.000 đồng; Thầy Đức chùa Phước Thạnh 200.000.000 đồng; Tăng Dương Tâm 100.000.000 đồng. Ông T1 yêu cầu nguyên đơn có trách nhiệm trả nợ chung theo pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, bị đơn đã rút lại toàn bộ yêu cầu giải quyết tài sản và xử lý nợ chung theo Đơn đề ngày 11/4/2024 (BL 53).

Người liên quan Nguyễn Hoàng L xác định vợ chồng có nợ số tiền 300.000.000 đồng nhưng không yêu cầu giải quyết nợ, nếu giữa các bên có tranh chấp sẽ kiện thành vụ kiện riêng. (BL 28)

Trước phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn, được nuôi con chung tên Tăng Thủy Tiên (nữ) sinh ngày 24/02/2020 và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng để nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án điều chỉnh.

Bị đơn gửi đơn đề ngày 11/4/2024 nội dung thể hiện đồng ý ly hôn, yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà phải cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung: rút lại toàn bộ yêu cầu giải quyết tài sản và xử lý nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: là phù hợp quy định pháp luật, không phát hiện vi phạm.

- **Về việc giải quyết vụ án:** căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghe ý kiến phát biểu của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Đào Thị Như T và ông Tăng T1 xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Nên được xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy vợ chồng cũng có thời gian chung sống hạnh phúc và đã có con chung. Nhưng cả hai vợ chồng đã thống nhất thuận tình ly hôn. Quá trình giải quyết Tòa án cũng đã hòa giải động viên hàn gắn, nhưng hai vợ chồng Đào Thị Như T và Tăng T1 cũng không hàn gắn đoàn tụ được. Và cả hai xác định đã ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Điều này chứng minh đời sống chung thực tế của hai vợ chồng bà Như T và ông Tăng T1 đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được. Và hôn nhân phải xuất phát từ sự tự nguyện của cả hai vợ chồng. Việc bà Đào Thị Như T xin được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cả hai đều xác nhận có 01 con chung tên Tăng Thủy Tiên (nữ) sinh ngày 24/02/2020. Quá trình giải quyết, hai vợ chồng Như T và ông Tăng T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

[4] Xét cháu Tăng Thủy Tiên là nữ, mới hơn 4 tuổi nên không thể lấy ý kiến của cháu về nguyện vọng sống với ai nếu cha mẹ ly hôn. Trong thời gian vợ chồng ly thân và hiện nay cháu đều do bà Đào Thị Như T nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Ông Tăng T1 hiện chưa có nơi cư trú ổn định (theo xác nhận của Công an phường Cái Khế, quận Ninh Kiều và công an phường Lê Bình, quận Cái Răng – BL 39-40, 61-62). Thiết nghĩ cần ổn định và giao cháu Tăng Thủy Tiên cho mẹ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt, phù hợp với giới tính và tâm sinh lý của cháu, theo Điều 58 và 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà Đào Thị Như T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên ông Tăng T1 vẫn được quyền tới lui thăm con theo qui định của pháp luật. Nếu sau này ông chứng minh được cháu sống với mẹ không đảm bảo các điều kiện để phát triển bình thường thì ông có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người nuôi dưỡng cháu.

[5] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: mặc dù đã được giải thích vấn đề cấp dưỡng là quyền lợi của con chung chứ không phải của người nuôi con

nhưng bà Đào Thị Như T vẫn không yêu cầu. Xét đây là tự nguyện thỏa thuận của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không được đặt ra giải quyết do đương sự không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: nguyên đơn và bị đơn xác định có 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 48m² tọa lạc tại Khu vực 3, Cồn Khương, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (không có giấy tờ công nhận sở hữu). Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, cả hai tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh phần này.

[7] Về nợ chung: Đối với các khoản nợ chung mà bị đơn trình bày, ngoại trừ người liên quan Nguyễn Hoàng L không yêu cầu giải quyết nợ (BL 27-28). Những người còn lại không liên hệ Tòa án trình bày ý kiến; bị đơn không cung cấp được địa chỉ những người này. Và trong quá trình giải quyết, bị đơn đã rút lại toàn bộ yêu cầu giải quyết nợ chung nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh phần này. Giữa những người liên quan, ông Tăng T1 và bà Đào Thị Như T nếu có tranh chấp sẽ được tách ra giải quyết thành vụ kiện khác theo qui định của pháp luật.

[8] Về án phí: nguyên đơn Đào Thị Như T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo qui định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.
- Điều 28, 35, 147, **228**, 235, 264, 267, 271, 273, 482 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.
Cho bà **Đào Thị Như T** được ly hôn với ông **Tăng T1**.

2/- Về con chung: giao cháu **Tăng Thủy Tiên** (nữ) sinh ngày 24/02/2020 cho bà Đào Thị Như T tiếp tục nuôi dưỡng.

Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Tăng T1.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Tăng T1 theo qui định của pháp luật.

3/- Về tài sản và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không điều chỉnh. Nếu sau này các bên có yêu cầu thì sẽ được tách ra thành vụ kiện khác để giải quyết theo qui định của pháp luật.

4/- Về án phí hôn nhân: Bà Đào Thị Như T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003213 ngày 22/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Q. Cái Răng. Bà Đào Thị Như T đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Đào Thị Như T được quyền kháng cáo và kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường Lê Bình, nơi cư trú hoặc từ khi nhận được bản án ông Tăng T1 được quyền kháng cáo để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND. TP/ Cần Thơ.
- VKSND.Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

Thái Mỹ Nhung

